

Tiểu Sử Đức **TRẦN HƯNG ĐẠO**

(Hưng Đạo Đại Vương)

Ngài tên thật là **Trần Quốc Tuấn**, là con trai của An Sinh Vương Trần Liễu, cháu vua Trần Thái Tông, quê làng Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Hà Nam Ninh (*nay thuộc tỉnh Nam Định*). Năm sinh của Ngài không rõ ràng, có tài liệu cho là năm 1228, có tài liệu thì cho là năm 1230 hay 1232. Ngài thông minh dĩnh ngộ, văn võ song toàn; chí biết dẹp thù nhà, thân biết đoàn kết anh em dòng họ cùng lo toan việc nước. Ngài nghiên cứu binh thư, biết dùng người hiền tài như Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão, Yết Kiêu, Dã Tượng; coi binh sĩ như chân với tay. Ở nơi Ngài thể hiện các đức tính: Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, và Tín. Cả ba lần chống quân Mông - Nguyên, Ngài đã lập nhiều công lớn. Ngài mất vào ngày 20 tháng Tám năm Canh Tý (1300). Thi hài được hỏa táng theo ý nguyện của Ngài: tro thu vào một bình đồng và chôn trong vườn An Lạc, giữa rừng An Sinh miền Đông Bắc, không xây lăng mộ. Có đền thờ tại Vạn Kiếp, Chí Linh.



Tượng thờ đức Trần Hưng Đạo tại bến Bạch Đằng, Sài Gòn

Theo truyền thuyết, từ nhỏ Trần Quốc Tuấn đã ham thích trò chơi đánh trận, sáu tuổi biết làm thơ. Lớn lên, học vấn rất uyên bác, vừa giỏi văn chương vừa hiểu thấu lục thao tam lược, cưỡi ngựa, bắn cung đều thành thạo. Ngài vốn có tài quân sự, lại là tôn thất nhà Trần, do đó trong cả 3 lần quân Nguyên – Mông tấn công Đại Việt, Ngài đều được vua Trần cử làm tướng chống giặc. Đặc biệt ở kháng chiến chống Mông - Nguyên lần thứ 2 và thứ 3, Ngài được vua Trần Nhân Tông phong làm Tiết chế các đạo quân thủy bộ (Tổng tư lệnh quân đội). Dưới tài lãnh đạo của Ngài, quân dân Đại Việt chiến thắng ở Chương Dương, Hàm Tử, Vạn Kiếp, Bạch Đằng, đuổi giặc ra khỏi nước, vì thế Ngài được phong tước Hưng Đạo Vương.

Sơ lược các trận chiến chống quân Mông – Nguyên

Cuộc xâm lăng lần thứ nhất:

Vào tháng Giêng năm 1258, một đạo quân Mông Cổ khoảng 40 ngàn quân do tướng Ngột Lương Hợp Thai chỉ huy tràn vào Đại Việt từ ngã Vân Nam. Thế giặc rất mạnh nên quân Nam phải rút bỏ Thăng Long với thành không, nhà trống. Chờ khi quân Mông cạn lương thực, ngày 29 tháng 1 năm 1258, quân Nam đã thần tốc vượt sông Hồng phản công, đánh địch quân tan tác bỏ chạy về Vân Nam.

Cuộc xâm lăng lần thứ hai:

Hai mươi sáu năm sau cuộc thảm bại lần thứ nhất, vào cuối năm 1284, lúc đó đã chiếm xong nhà Tống ở Trung Quốc (1279), vua Nguyên là Hốt Tất Liệt cử con trai là Thoát Hoan đem đại quân xâm lấn Đại Việt từ ba mặt: một đạo quân do Thoát Hoan chỉ huy từ Lạng Sơn đánh xuống; một đạo quân do Nạp Tốc Lạt Đinh từ Vân Nam tràn vào Tuyên Quang; và đạo quân thứ ba do Toa Đô đánh từ Bắc Champa vào sườn nam của Đại Việt.

Cũng như lần trước, đại quân Nam cố gắng làm chậm bước tiến của địch bằng các lực lượng dân quân địa phương, bảo toàn chủ lực quân, rút lui và bỏ trống kinh thành Thăng Long. Quân Mông bị phân tán mỏng, lương thực khan hiếm, thời tiết nóng nực, bệnh dịch lan tràn. Chờ thời cơ đã chín mùi, tháng 5 năm 1285, Hưng Đạo Vương tức tốc dẫn đại quân đầy nhuệ khí tiến ra Bắc phản công quyết liệt: Đạo quân của Trần Quang Khải tấn công địch trên mạn sông Hồng vào giải tỏa Thăng Long; Trần Hưng Đạo chặn đường rút của địch tại Vạn Kiếp. Quân địch bị thua to tại các mặt trận:

Hàm Tử (Hưng Yên): Trần Nhật Duật đánh tan chiến thuyền của Toa Đô.

Chương Dương: Trần Quang Khải và Trần Quốc Tuấn tấn công đại quân Nguyên khôi phục thành Thăng Long.

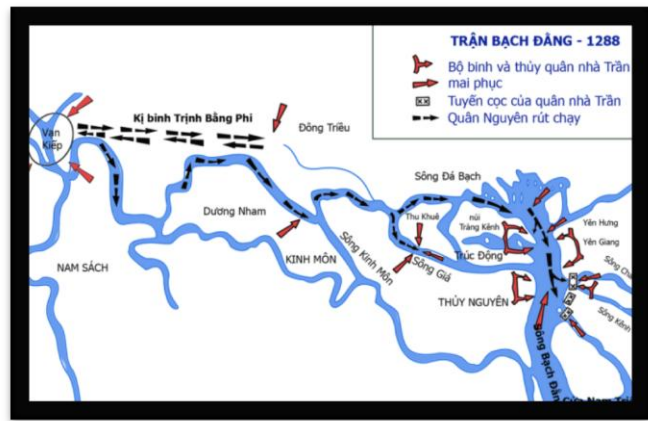
Tây Kết: Quân ta đánh tan và chém chết Toa Đô; Ô Mã Nhi xuống thuyền nhỏ chạy về nước.

Vạn Kiếp: Nguyễn Khoái và Phạm Ngũ Lão điều động phục binh tại bến sông Vạn Kiếp chặn tàn quân của Thoát Hoan sau khi bị quân của Hưng Đạo Vương đánh tan tại Bắc Giang.

Cuộc xâm lăng lần thứ ba:

Hai năm sau lần thảm bại thứ nhì, tháng 12 năm 1287, đại quân Nguyên lại chia làm nhiều ngả qua xâm chiếm Đại Việt. Đoàn chiến thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy hưng hăng tiến vào vùng biển Quảng Ninh nhắm hướng cửa sông Bạch Đằng không hay biết đoàn thuyền lương ở phía sau đã bị Trần Khánh Dư phục đánh tan tại vùng đảo Vân Đồn.

Lúc đó Thoát Hoan đã tiến vào Lạng Sơn hội với cánh quân của Ô Mã Nhi và cùng tiến về Thăng Long vào cuối tháng 1 năm 1288. Thành Thăng Long lại bỏ trống. Tại đây, đại quân Mông lại lâm vào tình trạng thiếu lương thực nên lại phải rút về Vạn Kiếp và bị chặn đánh tại cửa sông vùng Phả Lại. Biết quân địch sẽ rút đại quân về ngả sông Bạch Đằng, Hưng Đạo Vương đã chuẩn bị cho đóng cọc đèo mũi nhọn tại lòng sông.



Sáng ngày 9/4/1288, Ô Mã Nhi dẫn đoàn chiến thuyền vào sông Bạch Đằng. Đoàn chiến thuyền của ta ào ra tấn công gập lúc thủy triều xuống, thuyền giặc nghiêng đổ, thế giặc tan vỡ, quân sĩ tử trận vô vàn, Ô Mã Nhi bị bắt sống. Đạo quân của Thoát Hoan rút theo đường bộ thì bị phục kích tại cửa ải Nội Bàng. Mãi tới ngày 19/4/1288, Thoát Hoan và tàn quân mới chạy thoát về tới Tư Minh. Mộng xâm lược của quân Nguyên hoàn toàn tan vỡ.

Trần Quốc Tuấn là bậc tướng trụ cột của triều đình. Ngài đã soạn hai bộ binh thư: **Binh thư yếu lược** và **Vạn Kiếp Tông bí truyền thư** để răn dạy các tướng cầm quân đánh giặc. Khi giặc Nguyên lộ rõ ý đồ xâm lược, Trần Quốc Tuấn viết Hịch tướng sĩ, truyền lệnh cho các tướng, dạy bảo họ lễ thắng trận, tiến lui. Hịch tướng sĩ rất hùng hồn, thống thiết, khẳng định văn chương của một bậc "**đại bút**".

Trần Quốc Tuấn là một bậc tướng gồm đủ tài đức.

Là tướng nhân, Ngài thương dân thương quân, chỉ cho họ con đường sáng.

Là tướng nghĩa, Ngài coi việc phải hơn điều lợi.

Là tướng trí, Ngài biết lẽ đời sẽ dẫn tới đâu.

Là tướng dũng, Ngài xông pha nơi nguy hiểm để đánh giặc, tạo những trận như Bạch Đằng oanh liệt nghìn đời.

Là tướng tín, Ngài bày tỏ trước cho quân lính theo Ngài sẽ được gì, trái lời Ông thì gặp họa.

Cho nên, cả 3 lần đánh giặc Nguyên, Ngài đều được giao trọng trách điều bạt binh mã và điều lập công lớn.

Mùa thu tháng Tám, ngày 20 năm Canh Tý (1300), "**Bình Bắc Đại Nguyên soái**" Hưng Đạo đại vương qua đời. Theo lời Ngài dặn, thi hài Ngài được hỏa táng, thu vào bình đồng chôn trong vườn An Lạc, gần cánh rừng An Sinh, không xây lăng mộ, đất san phẳng, trồng cây như cũ. Vua gia phong cho Ngài tước Hưng Đạo đại vương. Triều đình lập đền thờ Ngài tại Vạn Kiếp, Chí Linh, nơi phong ấp của Ngài lúc sinh thời.



Đền thờ Ngài tại Vạn Kiếp gọi là "**Đền Kiếp Bạc**"

Sau khi mất, Trần Hưng Đạo được thờ phụng ở nhiều nơi, trong đó lễ hội lớn nhất ở đền Kiếp Bạc thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày nay, nơi ngày xưa là phủ đệ của Ngài. Ngài được người dân bao đời sùng kính phong Thánh tức là Đức Thánh Trần, đây là điều hiếm hoi trong lịch sử chỉ dành riêng cho vị danh tướng nhà Trần. Ngày lễ chính thức được tổ chức vào ngày Ngài mất (20 tháng 8 âm lịch hàng năm). Nhân dân không gọi trực tiếp tên của Ngài mà gọi là Hưng Đạo Vương, Hưng Đạo Đại Vương, Đức Thánh Trần, hoặc gọi là Cha (Tháng Tám giỗ Cha, tháng Ba giỗ Mẹ).

Câu nói nổi tiếng của Ngài:

"Thời bình phải khoan thư sức dân để làm kế sâu gốc, bền rễ. Đó là thượng sách giữ nước."

"Vua tôi một lòng, anh em hòa thuận, nước nhà chung sức, trăm họ là binh."

Danh thơ Đức thánh Trần Hưng Đạo



Vẹn hiếu, trọn trung khác lệ thường

Phò vua, xoá hận, trí kiên cường

Nguyên Mông đại bại liền ba bận

Dân Việt uy danh dậy bốn phương

*Soái giặc bỏ mình khi thủy chiến**

Thoát Hoan chui ống lúc cùng đường

Đời đời truyền tụng tài thao lược

Đức Thánh triều Trần, Hưng Đạo Vương.

* Nguyên soái quân Nguyên là Toa Đô
tử trận trên sông Bạch Đằng

HỊCH TƯỚNG SĨ của

Hưng Đạo Đại Vương



Tháng 12 năm Giáp Thân 1284, niên hiệu Thiệu Bảo năm thứ 6, đời Trần Nhân Tông, đại binh Thoát Hoan tiến đánh Chi Lăng, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn thất thế đưa quân chạy về Vạn Kiếp. Vua Trần Nhân Tông thấy thế giặc mạnh, cho mời Hưng Đạo Vương về Hải Dương mà phán rằng:

"Thế giặc to như vậy, mà chống với chúng thì dân chúng bị tàn sát, nhà cửa bị phá hại, hay là trăm sẽ chịu hàng để cứu muôn dân?"

Hưng Đạo Vương tâu:

"Bệ hạ nói câu ấy là lời nhân đức, nhưng Tôn miếu Xã tắc thì sao? Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin trước hết hãy chém đầu thần đi đã, rồi sau hãy hàng!"

Vua nghe thấy vậy liền yên lòng. Hưng Đạo Vương trở về Vạn Kiếp hiệu triệu 30 vạn quân Nam, thảo bài Dụ chư tì tướng hịch văn để khuyên răn tướng sĩ, đại ý khuyên binh sĩ học tập và rèn luyện võ nghệ, khuyên các tướng học tập trận pháp theo sách Binh thư yếu lược, chuẩn bị cho cuộc chiến Mông Nguyên – Đại Việt lần 2.

Trong *Việt Nam Sử Lược*, Trần Trọng Kim ghi rằng binh sĩ nghe lời hịch nức lòng, lấy mực xăm vào tay hai chữ: "**Sát Thát**" (nghĩa giết quân Mông Cổ), và hết lòng chiến đấu chống giặc.

BÀI HỌC DẠY CÁC VÕ TƯỚNG

Ta thường nghe Kỷ Tín đem mình chết thay cứu thoát cho Cao Đế; Do Vu chìa lưng chịu giáo che chở cho Chiêu Vương; Dự Nhượng nuốt than báo thù cho chủ; Thân Khoái chặt tay cứu nạn cho nước; Kính Đức, một chàng tuổi trẻ, thân phò Thái Tông thoát khỏi vòng vây Thế Sung; Cảo Khanh, một bề tôi xa, miệng mắng Lộc Sơn, không theo mưu kế nghịch tặc. Từ xưa, các bậc trung thần nghĩa sĩ, bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử các bậc đó cứ khư khư theo thói nữ nhi thường tình, thì cũng chết già ở xó cửa, sao có thể lưu danh cùng sử sách, cùng trời đất muôn đời bất hủ được!

Các người con nhà võ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện ấy nửa tin nửa ngờ. Thôi những chuyện xa ta không nói đến nữa. Nay ta chỉ kể chuyện Tống, Nguyên mới đây.

Vương Công Kiên là người thế nào? Tì tướng của ông là Nguyễn Văn Lập lại là người thế nào? Mà giữ thành Điếu Ngư nhỏ như cái đấu, đường đường chống với quân Mông Kha đông đến hàng trăm vạn, khiến cho nhân dân đời Tống đến nay còn ơn sâu? Cốt Đãi Ngột Lang là người thế nào? Tì tướng của ông là Xích Tu Tư lại là người thế nào? Mà xông vào chỗ lam chướng xa xôi nghìn trùng, đánh bại được quân Nam Chiếu trong vài tuần, khiến cho quân tướng đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt?

Hướng chi ta cùng các người sinh ra phải thời rối ren, lớn lên gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường. Uốn lưỡi cú diều mà sĩ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng tham không cùng; giả hiệu Văn Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau?

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức rằng chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng. Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền đã lâu ngày, không có mặc thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho cơm, quan nhỏ thì ta thăng chức, lương ít thì ta cấp bổng, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa; lúc trận mạc xông pha thì cùng nhau sống chết, lúc ở nhà nhàn hạ thì cùng nhau vui cười. Cách đối đãi so với Vương Công Kiên, Cốt Đãi Ngột Lang ngày trước cũng chẳng kém gì!

Nay các người ngồi nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn. Làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức; nghe nhạc Thái thường để đãi yến tiệc mà không biết căm. Hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển; hoặc vui thú ruộng vườn, hoặc quyến luyến vợ con; hoặc lo làm giàu mà quên việc nước; hoặc ham săn bắn mà quên việc binh; hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát.

Nếu có giặc Mông Thát tràn sang, thì cựa gà trống không thể đâm thủng áo giáp của giặc, mọo cờ bạc không thể dùng làm mưu lược nhà binh; dẫu rằng ruộng lắm, vườn nhiều, tấm thân quý nghìn vàng khôn chuộc; vả lại vợ bìu con dúi, việc quân cơ trăm sự ích chi; tiền của tuy

nhiều khôn mua được đầu giặc, chó săn tuy khỏe khôn đuổi được quân thù; chén rượu ngon không thể làm cho giặc say chết, tiếng hát hay không thể làm cho giặc điếc tai. Lúc bấy giờ, ta cùng các người sẽ bị bắt, đau xót biết chừng nào!

Chẳng những thái ấp của ta không còn mà bổng lộc các người cũng bị mất; chẳng những gia quyến của ta bị tan, mà vợ con các người cũng khôn; chẳng những xã tắc tổ tông ta bị giày xéo, mà phần mộ cha mẹ các người cũng bị quật lên; chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục, rồi đến trăm năm sau, tiếng dơ khôn rửa, tên xấu còn lưu, mà đến gia thanh các người cũng không khỏi mang tiếng là tướng bại trận. Lúc bấy giờ, dẫu các người muốn vui về phỏng có được không?

Nay ta bảo thật các người: Nên nhớ câu "đặt mồi vào dưới đồng củi" là nguy cơ, nên lấy điều "kiêng canh nóng mà thổi rau nguội" làm răn sợ. Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên; khiến cho người người giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ, có thể bêu được đầu Hốt Tất Liệt ở cửa khuyết, làm rửa thịt Vân Nam Vương ở Cảo Nhai. Như vậy, chẳng những thái ấp của ta mãi mãi vững bền, mà bổng lộc các người cũng đời đời hưởng thụ; chẳng những gia quyến của ta được êm ấm gối chăn, mà vợ con các người cũng được bách niên giai lão; chẳng những tông miếu của ta được muôn đời tế lễ, mà tổ tông các người cũng được thờ cúng quanh năm; chẳng những thân ta kiếp này đắc chí, mà đến các người trăm năm về sau tiếng vẫn lưu truyền; chẳng những danh hiệu ta không bị mai một, mà tên họ các người cũng sử sách lưu thơm. Lúc bấy giờ các người không muốn vui về phỏng có được không?

Nay ta chọn binh pháp các nhà làm một quyển gọi là "Binh thư yếu lược". Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo của ta, thì mới phải đạo thần chủ; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo của ta, tức là kẻ nghịch thù.

Vì sao vậy? Giặc với ta là kẻ thù không đội trời chung, các người cứ điềm nhiên không biết rửa nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ; chẳng khác nào quay mũi giáo mà chịu đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi sau đây sau khi giặc giã dẹp yên muôn đời để thẹn, há còn mặt mũi nào mà đứng trong trời đất nữa? Ta viết bài hịch này để các người biết bụng ta.

